

TỔNG CỤC THỂ DỤC THỂ THAO



LUẬT THI ĐẤU VOVINAM



NHÀ XUẤT BẢN THỂ DỤC THỂ THAO

TỔNG CỤC THỂ DỤC THỂ THAO



Phan Nguyễn

LUẬT THI ĐẤU VOVINAM

NHÀ XUẤT BẢN THỂ DỤC THỂ THAO
HÀ NỘI - 2013

Hà Nội, ngày 2 tháng 6 năm 2009

Số: 673/QĐ-TCTDTT

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Luật thi đấu Vovinam

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THỂ DỤC THỂ THAO

Căn cứ Quyết định số 66/2008/QĐ-TTg ngày 23 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thể dục thể thao trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thể dục thể thao Quần chúng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Luật thi đấu Vovinam gồm 2 phần, 7 chương và 28 Điều.



Điều 2. Luật thi đấu Vovinam được áp dụng thống nhất tại các cuộc thi đấu Vovinam trong toàn quốc và thi đấu quốc tế tại Việt Nam.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Thể dục thể thao Quần chúng, Thủ trưởng các Vụ, đơn vị thuộc Tổng cục Thể dục thể thao, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

TỔNG CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Danh Thái

(Đã ký)



PHẦN THỨ NHẤT

THI ĐẤU ĐỐI KHÁNG

CHƯƠNG I

SÂN ĐẤU - TRANG THIẾT BỊ THI ĐẤU

Điều 1. Sân đấu

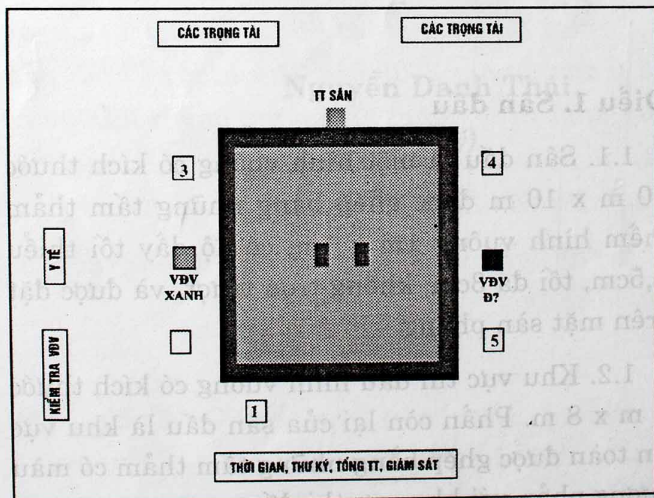
1.1. Sân đấu là một hình vuông có kích thước 10 m x 10 m được ghép bằng những tấm thảm mềm hình vuông 1m x 1m, có độ dày tối thiểu 1,5cm, tối đa 3cm, không trơn trượt và được đặt trên mặt sàn phẳng.

1.2. Khu vực thi đấu hình vuông có kích thước 8 m x 8 m. Phần còn lại của sân đấu là khu vực an toàn được ghép bằng những tấm thảm có màu tương phản với khu vực thi đấu.



1.3. Chính giữa khu vực thi đấu kẻ hai đường thẳng cách nhau 1m, có chiều dài 0,5m, chiều rộng 5cm có màu khác với màu sân đấu (vị trí đứng của hai vận động viên làm thủ tục trước trận đấu). Phía ngoài sân đấu, sát với khu vực an toàn là 1 tấm thảm (1m x 1m) vị trí đứng của trọng tài sân khi nghỉ giữa hiệp.

SƠ ĐỒ BỐ TRÍ SÂN ĐẤU



Điều 2. Trang thiết bị sân đấu

- 2.1. Bàn ghế để ban tổ chức, giám sát, trọng tài, ban kỹ thuật, tổ y tế làm nhiệm vụ.
- 2.2. Công 1 chiếc.
- 2.3. Chuông điện 1 chiếc.
- 2.4. Cân điện tử 1 chiếc.
- 2.5. Đồng hồ bấm giờ 2 chiếc.
- 2.6. Cờ đuôi nheo kích thước 20 cm x 30 cm (6 màu đỏ, 6 màu xanh).
- 2.7. Đèn báo hiệp đấu 1 bộ.
- 2.8. Khăn lau sân đấu và thảm chùi chân.
- 2.9. Hệ thống ánh sáng, phát thanh.
- 2.10. Hệ thống chấm điểm điện tử (nếu có).
- 2.11. Găng, giáp, mũ 16 bộ (8 màu xanh, 8 màu đỏ) kích cỡ khác nhau.
- 2.12. Bảng hiệu ghi tên các chức danh Ban tổ chức, Ban giám sát, Tổng trọng tài, Ban trọng tài, Ban thư ký, Tổ Y tế, Trọng tài giám định 1 - 5.
- 2.13. Các trang thiết bị khác.



Điều 3. Trang phục của vận động viên

3.1. Võ phục màu xanh dương có biểu tượng Môn phái Vovinam Việt võ đạo bên ngực trái, biểu tượng Liên đoàn Vovinam Việt Nam, tên vận động viên bên ngực phải, sau lưng tên đơn vị (thi đấu cấp quốc gia tên tỉnh, thành, ngành; thi đấu quốc tế tên quốc gia).

3.2. Mũ bảo hộ.

3.3. Áo giáp.

3.4. Găng tay: Giải Vô địch và giải Trẻ trọng lượng găng 250 gram, giải Thiếu niên trọng lượng găng 230 gram.

3.5. Bảo vệ hạ bộ (Croquille).

3.6. Bảo hộ tay, chân (mang bên trong võ phục).

3.7. Bảo vệ răng.

3.8. Khi thi đấu VĐV mang đai vàng trơn (không gạch).

CHƯƠNG II

CÁC ĐIỀU LỆT CHUNG

Điều 4. Lứa tuổi và hạng cân

4.1. Phân loại giải đấu và quy định về tuổi thi đấu

Căn cứ vào lứa tuổi và giới tính được phân làm 3 giải sau:

4.1.1. Giải Thiếu niên dành cho vận động viên nam, nữ từ 12 đến 15 tuổi.

4.1.2. Giải Trẻ dành cho vận động viên nam, nữ từ 16 đến 18 tuổi.

4.1.3. Giải Vô địch dành cho vận động viên nam, nữ từ 17 đến 35 tuổi.

Độ tuổi của vận động viên tham dự tính theo



năm sinh và được xác định qua hộ chiếu đối với giải thể giới, chứng minh nhân dân, giấy khai sinh đối với giải trong nước.

4.2. Phân chia hạng cân

4.2.1. Giải Trẻ và Thiếu niên

4.2.1.1. Các hạng cân nam:

Đến 39 kg

Trên 39 đến 42 kg

Trên 42 đến 45 kg

Trên 45 đến 48 kg

Trên 48 đến 51 kg

Trên 51 đến 54 kg

Trên 54 đến 57 kg

Trên 57 đến 60 kg

Trên 60 đến 63 kg

Trên 63 đến 66 kg

Trên 66 đến 70 kg

Trên 70 đến 75 kg

Trên 75 kg

4.2.1.2. Các hạng cân nữ:

Đến 39 kg

Trên 39 đến 42 kg

Trên 42 đến 45 kg

Trên 45 đến 48 kg

Trên 48 đến 51 kg

Trên 51 đến 54 kg

Trên 54 đến 57 kg

Trên 57 đến 60 kg

Trên 60 đến 63 kg

Trên 63 đến 66 kg

Trên 66 đến 70 kg

Trên 70 kg

4.2.2. Giải vô địch

4.2.2.1. Các hạng cân nam:

Đến 45 kg



Trên 45 đến 48 kg

Trên 48 đến 51 kg

Trên 51 đến 54 kg

Trên 54 đến 57 kg

Trên 57 đến 60 kg

Trên 60 đến 64 kg

Trên 64 đến 68 kg

Trên 68 đến 72 kg

Trên 72 đến 77 kg

Trên 77 đến 82 kg

Trên 82 đến 87 kg

Trên 87 đến 92 kg

Trên 92 kg

4.2.2.2. Các hạng cân nữ:

Đến 42 kg

Trên 42 đến 45 kg

Trên 45 đến 48 kg

Trên 48 đến 51 kg

Trên 51 đến 54 kg

Trên 54 đến 57 kg

Trên 57 đến 60 kg

Trên 60 đến 63 kg

Trên 63 đến 66 kg

Trên 66 đến 70 kg

Trên 70 đến 75

Trên 75 kg

Tùy theo tính chất của cuộc thi và các giải trong nước hay giải quốc tế, Điều lệ từng giải sẽ quy định cụ thể các hạng cân nam, nữ.

Điều 5. Kiểm tra cân nặng và thể thức cân

5.1. Cân thử: Các vận động viên được tự cân kiểm tra trọng lượng bằng cân của Ban tổ chức để điều chỉnh hạng cân trước khi bốc thăm xếp lịch thi đấu chính thức tối thiểu 6 tiếng.

5.2. Cân chính thức: Trước buổi thi đấu 60



phút các vận động viên thi đấu trong buổi đấu đó phải cân chính thức. Khi cân các vận động viên nam mặc quần đùi, nữ mặc quần Short, áo phông.

5.3. Các vận động viên không đến kiểm tra cân nặng trước buổi đấu thì được coi như là bỏ cuộc trận đấu đó. Các vận động viên không đúng trọng lượng quy định của hạng cân đăng ký bị truất quyền thi đấu.

Điều 6. Bốc thăm và xếp lịch thi đấu

6.1. Bốc thăm: Căn cứ vào số lượng đăng ký của từng hạng cân, Ban tổ chức sẽ tiến hành bốc thăm thi đấu từ hạng cân nhỏ đến hạng cân lớn. Tham dự bốc thăm gồm đại diện Ban tổ chức, tổ thư ký và lãnh đội các đơn vị. Tùy theo số lượng các vận động viên tham dự giải mà Ban tổ chức tiến hành bốc thăm bằng máy hoặc bằng tay.

6.2. Xếp lịch thi đấu: Lịch thi đấu được xếp từ vòng loại ngoài đến vòng loại trong và vòng chung kết sao cho đến vòng bán kết và chung kết các vận động viên trong cùng một hạng cân có thời gian nghỉ tương đương nhau.

Điều 7. Tính chất và thể thức thi đấu

7.1. Tính chất: Thi đấu cá nhân và thi đấu đồng đội.

7.2. Thể thức thi đấu: Thi đấu loại trực tiếp 1 lần thua.

7.3. Phải tham gia thi quyền và đối kháng mới xếp thứ hạng toàn đoàn.





CHƯƠNG III

LUẬT THI ĐẤU

Điều 8. Nguyên tắc thi đấu

8.1. Thi đấu đối kháng là hình thức thi đấu đối mặt giữa hai vận động viên Vovinam của hai đội khác nhau thông qua việc sử dụng các đòn thế tấn công và phòng thủ của Vovinam các kỹ thuật tránh né, gạt đỡ, ra đòn tay, đòn chân, đòn đánh ngã.

8.2. Trong một đợt tấn công tiếp cận đối phương vận động viên được thực hiện tối đa 5 động tác. Khi trọng tài ra ký hiệu và khẩu lệnh “ngưng” thì hai vận động viên phải dừng thi đấu lùi ra sau một bước về tư thế thủ và sẵn sàng cho đợt tấn công khác ngay tại chỗ. Trong trường hợp dứt đợt tấn công, có vận động viên bị đánh ngã

hoặc phạm luật ở khu vực sát biên thì trọng tài cho hai vận động viên trở về vị trí ban đầu ở giữa sân để tiếp tục thi đấu.

Điều 9. Hiệp đấu, thời gian thi đấu

9.1. Mỗi trận thi đấu có 3 hiệp, thời gian thi đấu mỗi hiệp từ 2 đến 3 phút tùy theo tính chất của giải, giữa các hiệp có 1 phút nghỉ.

9.2. Tùy theo từng loại giải đấu mà thời gian thi đấu sẽ được quy định cụ thể trong điều lệ giải.

Điều 10. Vùng tính điểm

10.1. Các vùng tính điểm là: Phía trước và hai bên hông từ chân tóc ở trán, thái dương trở xuống qua mặt, cổ, ngực, bụng đến đai lưng.

10.2. Vùng không được tính điểm: Từ vai trở ra đến hai tay, từ thắt lưng trở xuống và vùng lưng, gáy, cổ họng.

10.3. Các đòn tay, đòn chân phải có lực, trực tiếp vào vùng tính điểm không bị cản phá, chặn, đỡ, gạt mới được tính điểm.



Điều 11. Cách tính điểm

Tính điểm theo từng đợt tấn công (không quá 5 động tác) và căn cứ theo sự thắng thế của đấu thủ được ghi theo một trong các hạng điểm sau:

- Điểm 1
- Điểm 2
- Điểm thắng tuyệt đối
- Thắng đo ván
- Điểm trừ

11.1. Loại điểm 1:

11.1.1. Khi tấn công bằng 1 đòn tay hoặc 1 đòn chân có hiệu quả vào vùng được tính điểm.

11.1.2. Khi đánh đối phương ngã do chủ động tấn công hoặc phản công bằng các đòn đấm, đá, đạp ngoài vùng tính điểm.

11.1.3. Tấn công đối phương bằng đòn chân số Vovinam đúng theo qui định (chân kẹp trên gối) nhưng đối phương không ngã ngửa mà chỉ chống tay xuống sàn đấu hoặc ngã chổng lên người đánh. Tấn công đối phương ngã bởi các đòn chân

tấn công số 3, 6 của Vovinam, nhưng khi rơi xuống chân tuột xuống hoặc ngã chồng lên người đánh. Tấn công đối phương có hiệu quả bởi các đòn chân tấn công số 7, 8, 9, 10 của Vovinam, nhưng chỉ trúng 1 chân vào vùng tính điểm.

11.2. Loại điểm 2: *tấn công tay + chân 2 đ*

11.2.1. Bắt chân phản đòn căn bản Vovinam: các đòn đá thẳng, đá tạt, đạp làm cho đối phương ngã.

11.2.2. Dùng đòn chân đá, đạp trúng đầu (vùng tính điểm) đối phương.

11.2.3. Bị trọng tài đếm số: Đánh đối phương trúng đòn nặng bị choáng hoặc té ngã, sau 3 giây không thể hồi phục tiếp tục thi đấu, trọng tài mới bắt đầu đếm từ 1 đến 8 (tương đương 8 giây) nếu đến tiếng đếm thứ 8 vận động viên đã hồi phục và tiếp tục thi đấu (vẫn tính điểm đòn đánh làm cho đối phương bị choáng, ngã).

11.2.4. Chém quét, chém triệt bằng tay phải, chân phải hoặc tay trái, chân trái. Tát má đá gót bằng tay phải, chân trái hoặc ngược lại hiệu quả làm đối phương ngã.



11.2.5. Tấn công trúng đích tối thiểu từ hai động tác tay và chân mỗi đợt.

11.2.6. Đánh trúng đối phương có hiệu quả (ngã, mất thăng bằng) bởi các đòn chân tấn công của Vovinam từ số 01 đến số 10 (không sử dụng các đòn chân tấn công số 1, 2, 4, 5).

11.2.7. Đánh ngã đối phương bởi các đòn chân tấn công của Vovinam từ số 11 đến số 21 nhưng khi rơi xuống chân tuột ra hoặc ngã chổng lên người đánh.

11.3. Thắng tuyệt đối

11.3.1. Vận động viên thực hiện được một trong các đòn chân tấn công từ số 11 đến số 21 (chân quặp đúng vào cổ, khi đối phương ngã chạm đất chân người đánh vẫn còn vịn siết).

11.3.2. Trong một hiệp đấu vận động viên bị đếm 3 lần hoặc trong một trận đấu vận động viên bị đếm 4 lần.

11.4. Thắng do ván

Đánh đối phương Knock out, sau 10 tiếng đếm của trọng tài (tương đương 10 giây).

11.5. Điểm trừ

11.5.1. Loại trừ 1 điểm: Khi vận động viên bị ra biên (hai chân ra khỏi biên).

11.5.2. Loại trừ 2 điểm:

- Trong một trận đấu (3 hiệp) vận động viên không thực hiện được một đòn chân tấn công Vovinam.

- Bị trọng tài cảnh cáo.

11.6. Các trường hợp không bị trừ điểm

11.6.1. Do tấn công bằng các đòn chân cơ bản của Vovinam, người đánh bị ngã hoặc ngã ra biên.

11.6.2. Bị đối phương cố tình xô đẩy ra biên.

11.6.3. Khi tấn công đối phương ra biên lại chạy theo ra biên.

11.7. Các trường hợp không tính điểm

11.7.1. Ôm, vật, lôi kéo, xô đẩy làm cho đối phương ngã hoặc ra biên.

11.7.2. Đánh đối phương ngã nhưng ngã theo.



11.8. Cách ghi điểm (trường hợp không chấm bằng máy)

Ghi: - 1, 2 VĐV tấn công bằng đòn tay, đòn chân trúng vùng tính điểm.

- 2 VĐV đá, đập trúng vào mặt (ghi 2 có gạch trên đầu).

- 1, 2 VĐV đánh ngã đối phương, phản đòn căn bản đá - đập làm cho đối phương ngã, các đòn chân tấn công Vovinam số 3, 6, 7, 8, 9, 10 hoặc từ số 11-21 khi đánh bị tuột ra (ghi số 1 hoặc 2 gạch dưới).

- ① VĐV được điểm ưu thế khi kết thúc hiệp 1 (ghi số 1 khoanh tròn).

- Đối với vận động viên bị phạm lỗi (ra biên, cảnh cáo) ghi ở cột điểm trừ của vận động viên phạm lỗi.

- Kết thúc trận đấu vận động viên không thực hiện được đòn chân bị trừ 2 điểm, ghi dưới điểm tổng trận của vận động viên.

Điều 12. Hình thức xác định ngã, choáng và cách xử lý

12.1. Xác định đánh ngã: Vận động viên được xem là bị đánh ngã khi bất cứ bộ phận nào của cơ thể chạm xuống sân đấu trừ hai lòng bàn chân.

12.2. Xác định bị choáng: Khi bị trúng đòn của đối phương, vận động viên có biểu hiện không kiểm soát được cơ thể, sau 3 giây vẫn chưa hồi phục, không thể thi đấu được.

Điều 13. Hình thức quyết định kết quả trận đấu

13.1. Thắng điểm

13.1.1. Kết thúc hiệp đấu cuối cùng, vận động viên nào được đa số trọng tài giám định cho điểm cao hơn thì người đó được xác định là thắng điểm.

13.1.2. Trường hợp cả hai vận động viên đều bị chấn thương, cùng không thể tiếp tục thi đấu thì tính số điểm từ khi bắt đầu trận đấu đến khi cả hai cùng bị thương, vận động viên nào được đa số trọng tài giám định cho điểm cao hơn là thắng điểm. Vận động viên muốn thi đấu tiếp vòng

trong phải có xác định đủ sức khỏe thi đấu của bác sĩ.

13.2. Thắng ưu thế

Trong trường hợp kết thúc trận đấu hai vận động viên bằng điểm nhau phải căn cứ theo thứ tự ưu tiên sau:

13.2.1. Vận động viên thắng điểm ở hiệp cuối của trận đấu.

13.2.2. Vận động viên ít phạm lỗi hơn, tác phong đạo đức tốt hơn.

13.2.3. Vận động viên có trọng lượng nhẹ hơn.

13.2.4. Nếu vẫn bằng nhau sẽ tiến hành bốc thăm xác định vận động viên thắng.

Trong trường hợp vào đầu trận đấu cả hai vận động viên chưa có điểm, nhưng do va chạm và cùng bị Knock out phải căn cứ theo thứ tự ưu tiên sau:

13.2.5. Vận động viên có trọng lượng nhẹ hơn.

13.2.6. Nếu vẫn bằng nhau sẽ tiến hành bốc thăm xác định vận động viên thắng.

13.3. Thắng do bỏ cuộc

13.3.1. Hết giờ cân chính thức của buổi đấu mà vận động viên không có mặt để cân.

13.3.2. Sau khi Ban tổ chức gọi tên lần thứ 3 mà vận động viên không có mặt để thi đấu.

13.3.3. Hết 01 phút nghỉ giữa hiệp mà vận động viên không vào thi đấu tiếp hoặc đang thi đấu xin bỏ cuộc.

13.3.4. Lãnh đội báo với Ban tổ chức xin cho vận động viên không thi đấu.

13.4. Thắng do dừng trận đấu

13.4.1. Do vận động viên bị chấn thương nặng, trọng tài Y tế quyết định không cho tiếp tục thi đấu.

13.4.2. Trong một hiệp đấu, vận động viên cần đến y tế chăm sóc 4 lần hoặc trong một trận đấu vận động viên cần đến y tế chăm sóc 6 lần.

13.4.3. Một vận động viên bị trúng đòn liên tục do trình độ kỹ thuật quá chênh lệch.

13.4.4. Nếu chấm điểm bằng máy điện tử thì số điểm chênh lệch là 10 điểm.



13.5. Thắng tuyệt đối

13.5.1. Vận động viên thực hiện được một trong các đòn chân tấn công từ số 11 đến số 21 (chân quặp đúng vào cổ, khi đối phương ngã chạm đất chân người đánh vẫn còn vận siết).

13.5.2. Trong một hiệp đấu, vận động viên bị đếm 3 lần hoặc trong một trận đấu vận động viên bị đếm 4 lần.

13.6. Thắng do ván

Vận động viên bị choáng, ngã do bị trúng đòn đúng luật sau 10 tiếng đếm của trọng tài tương đương 10 giây không hồi phục thì đối phương được công bố thắng “do ván”

13.7. Thắng do truất quyền

Trong trận đấu khi một vận động viên do vi phạm luật hoặc các quy định của điều lệ dẫn đến bị truất quyền thi đấu thì đối phương được công nhận là thắng truất quyền.

Điều 14. Những điều cấm và các lỗi vi phạm

Vận động viên vi phạm những điều cấm dưới đây thì bị xem là phạm lỗi.

14.1. Tấn công vào vùng: Họng, gáy, háng, khớp gối.

14.2. Dùng chỏ, gối tấn công đối phương.

14.3. Ôm, vật hoặc dùng tay giữ, khoá, kẹp lôi kéo đối phương.

14.4. Bắt chân đối phương từ ngoài vào trong và có hành vi tấn công hoặc đánh ngã đối phương.

14.5. Tấn công đối phương khi đối phương đã ngã xuống sàn đấu.

14.6. Khi trọng tài có lệnh “**ngưng**” hoặc chưa cho có lệnh “**đấu**” mà tấn công đối phương.

14.7. Đấu thủ không lùi lại một bước mà tấn công ngay khi chưa có lệnh “**đấu**” của trọng tài.

14.8. Có cử chỉ thô bạo, lời lẽ khiếm nhã.

14.9. Giả vờ bị thương, cố ý giữ thế thủ, không tận tình thi đấu.

14.10. Sử dụng chất kích thích.

14.11. Tự nằm xuống quét chân đối phương.

14.12. Dùng đòn đá chẻ tấn công đối phương.



14.13. Cố tình đá phá chân đối phương từ thắt lưng trở xuống.

Điều 15. Xử phạt

15.1. Vận động viên vi phạm những lỗi tại

Điều 14 tùy theo mức độ sai phạm sẽ bị trọng tài xử phạt **Nhắc nhở, cảnh cáo, truất quyền thi đấu.**

- Sau Thủ lệnh và khẩu lệnh “Đấu” của Trọng tài 20 giây, mà hai vận động viên không ra đòn tấn công nhau sẽ bị trọng tài nhắc nhở.

- Nhắc nhở 3 lần tính 1 lần cảnh cáo. Mỗi lần bị cảnh cáo trừ 2 điểm.

- Cảnh cáo lần 3 bị truất quyền thi đấu.

Trọng tài có thể cảnh cáo hoặc truất quyền thi đấu của vận động viên ngay khi:

- Có hành vi phản đối không tuân thủ lệnh của trọng tài.

- Có hành vi thiếu văn hóa xúc phạm đến đối phương, trọng tài, ban tổ chức, khán giả.

- Cố tình vi phạm Điều 14 (những điều cấm).

- Đánh phạm luật làm đối phương Knock out sau 10 tiếng đếm (tương đương 10 giây) thì bị truất quyền thi đấu. Vận động viên bị phạm luật thắng trận đó nhưng không được phép thi đấu ở những trận sau.



CHƯƠNG IV

BAN TỔ CHỨC, GIÁM SÁT, TRỌNG TÀI

Điều 16. Ban tổ chức

16.1. Ban tổ chức giải do đơn vị tổ chức giải ra quyết định thành lập.

16.2. Thành phần Ban tổ chức gồm:

- Trưởng ban.
- Các Phó trưởng ban.
- Các ủy viên.

16.3. Trưởng Ban tổ chức ra quyết định thành lập các Tiểu ban giúp việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban tổ chức.

Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban tổ chức

17.1. Nhiệm vụ

17.1.1. Điều hành toàn bộ công tác tổ chức giải theo Luật và Điều lệ.

17.1.2. Thông báo bằng văn bản các vấn đề liên quan đến giải.

17.1.3. Chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thi đấu đúng yêu cầu của Luật.

17.1.4. Tổng kết giải, công nhận kết quả thi đấu.

17.1.5. Xét các hình thức kỷ luật đối với các đơn vị, cá nhân vi phạm Luật, Điều lệ, các quy định của Ban tổ chức.

17.1.6. Giải quyết các khiếu nại.

17.2. Quyền hạn

17.2.1. Xem xét, quyết định mọi vấn đề liên quan đến giải.

17.2.2. Quyết định các hình thức khen thưởng, kỷ luật đối với các cá nhân, tập thể.

17.2.3. Đình chỉ hoặc truất quyền làm nhiệm vụ của trọng tài, các thành viên khác khi không hoàn thành nhiệm vụ.



Điều 18. Ban giám sát

18.1. Ban giám sát do đơn vị tổ chức giải ra quyết định thành lập.

18.2. Thành phần gồm Trưởng Ban giám sát, các Phó Trưởng ban và các ủy viên để giúp Trưởng Ban giám sát về chuyên môn và một số lĩnh vực khác được phân công.

Ban Giám sát giải là người trực tiếp theo dõi, kiểm tra toàn bộ quá trình tổ chức giải. Trong trường hợp xét thấy các điều kiện tổ chức không đảm bảo thì có quyền yêu cầu Ban tổ chức sửa chữa, bổ sung các điều kiện thi đấu hoặc lập biên bản dừng trận đấu hay toàn giải.

Ban Giám sát giải có quyền phủ quyết các quyết định của Ban tổ chức, trọng tài khi thấy những quyết định đó trái Luật, Điều lệ.

Những vấn đề nảy sinh trong giải mà Luật, Điều lệ chưa đề cập đến thì Giám sát có quyền quyết định sau khi trao đổi với Ban tổ chức giải.

Điều 19. Ban trọng tài

- Ban trọng tài do đơn vị tổ chức giải hoặc Trưởng Ban tổ chức ra quyết định thành lập.

- Thành phần gồm Tổng trọng tài, các Phó Tổng trọng tài và các trọng tài.

- Ban trọng tài có nhiệm vụ điều hành các trận đấu theo Luật, Điều lệ và các quy định của Ban tổ chức.

19.1. Nhiệm vụ quyền hạn của Tổng trọng tài

19.1.1. Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn cho các trọng tài làm nhiệm vụ tại giải về Luật, Điều lệ, các quy định của Ban tổ chức.

19.1.2. Kiểm tra cơ sở vật chất, trang thiết bị thi đấu, tổ chức bốc thăm, xếp lịch và mọi công tác chuẩn bị liên quan đến tổ chức thi đấu.

19.1.3. Giám sát, chỉ đạo và phân công nhiệm vụ cho các thành viên ban trọng tài.

19.1.4. Được phép dùng chuông tạm dừng trận đấu để trao đổi với giám sát, trọng tài sân hoặc trọng tài giám định khi nhận thấy trọng tài sân bỏ sót lỗi, nhận định sai kết quả hay xử lý tình huống thiếu chính xác hoặc trái với Luật, Điều lệ. Sau khi trao đổi có quyền phủ quyết và thay đổi quyết định của trọng tài.



19.1.5. Có quyền thay thế trọng tài khi có sự cố về sức khỏe.

19.1.6. Khi xét thấy kết quả phiếu điểm của trọng tài giám định không đúng thì có quyền hội ý với các thành viên liên quan và giám sát chuyên môn để ra quyết định cuối cùng.

19.1.7. Phối hợp cùng giám sát giải để giải quyết các khiếu nại.

19.2. Nhiệm vụ quyền hạn của Phó Tổng trọng tài

19.2.1. Giúp tổng trọng tài về một số lĩnh vực khi được Tổng trọng tài phân công và chịu trách nhiệm trước Tổng trọng tài về phần công việc được giao.

19.2.2. Thay Tổng trọng tài giải quyết, điều hành công việc khi được Tổng trọng tài ủy quyền.

19.3. Nhiệm vụ và quyền hạn của trọng tài sân

19.3.1. Nhiệm vụ

19.3.1.1. Điều hành trận đấu theo Luật, Điều lệ và các quy định của Ban tổ chức.

19.3.1.2. Kiểm tra vận động viên trước trận đấu.

19.3.1.3. Dùng khẩu lệnh, thủ lệnh để điều khiển trận đấu.

19.3.1.4. Công bố người thắng cuộc.

19.3.2. Quyền hạn

19.3.2.1. Nhắc nhở, cảnh cáo, truất quyền thi đấu khi vận động viên phạm lỗi.

19.3.2.2. Can ngăn kịp thời khi kết thúc đợt tấn công và ra lệnh một đợt tấn công mới.

19.3.2.3. Xác định vận động viên ngã, choáng, ra biên, phạm luật, tiêu cực trong thi đấu và xử lý hoàn tất các tình huống diễn ra trên sân bằng khẩu lệnh, thủ lệnh và các ký hiệu theo Luật.

19.3.2.4. Cho dừng trận đấu và báo cáo với Tổng trọng tài, giám sát để quyết định khi thấy một trong hai vận động viên quá yếu về kỹ thuật hoặc bị chấn thương.

19.3.2.5. Khi truất quyền thi đấu của vận động viên hay cho dừng trận đấu phải xin ý kiến và được Tổng trọng tài, giám sát giải đồng ý.



19.3.3. Cách xử lý tình huống bị ngã, choáng

19.3.3.1. Khi một vận động viên bị đánh ngã, trọng tài phải ra lệnh “ngưng” trận đấu. Nếu sau 3 giây, vận động viên đó không đứng dậy được thì bắt đầu đếm. Nếu đếm đến tiếng thứ 8 mà vận động viên bị đánh ngã đã hồi phục thì cho hai vận động viên thi đấu tiếp. Nếu đếm đến tiếng thứ 8 mà vận động viên ngã chưa hồi phục thì phải đếm đến 10 và xử thua “Đo ván”.

19.3.3.2. Khi đếm trọng tài phải đứng hoặc ngồi gần vận động viên bị đánh ngã, mặt hướng về trọng tài thời gian, phải đếm to, rõ và kết hợp với động tác tay theo nhịp, mỗi tiếng đếm cách nhau 1 giây (Khi trọng tài đếm không ai được đến sờ sờ kể cả Bác sĩ).

19.3.3.3. Trường hợp một vận động viên bị trúng đòn quá mạnh bị ngã. Trọng tài chỉ cần đếm 1 rồi ngưng và quyết định đo ván, mời bác sĩ đến chăm sóc, tương tự như vậy, khi đếm đến 2,3,4.... Xét thấy sức khỏe vận động viên bị nguy hiểm thì nhanh chóng mời Bác sĩ đến cấp cứu.

19.3.3.4. Khi VĐV bị đánh ngã đã hồi phục lại trước tiếng đếm thứ 8. Trọng tài ra lệnh đấu, chưa va chạm tiếp một đòn nào mà vận động viên vừa bị đếm ngã nữa thì trọng tài đếm tiếp tiếng thứ 9 rồi 10 và quyết định Đo ván.

19.3.3.5. Khi trọng tài sân đang đếm cho vận động viên bị đánh ngã mà vận động viên kia có biểu hiện bị choáng hoặc tự nhiên ngã xuống, người đếm cho vận động viên thứ hai này là trọng tài thời gian.

19.3.3.6. Nếu hai vận động viên cùng bị đánh ngã, không thể tiếp tục thi đấu thì các trọng tài giám định căn cứ vào điểm kể từ lúc hai vận động viên bị đánh ngã trở về trước, ai có số điểm cao hơn sẽ được xử thắng điểm. Nếu có một vận động viên hồi phục, một vận động viên không hồi phục trong thời gian 8 tiếng đếm, thì vận động viên hồi phục trước tiếng đếm thứ 8 được xử thắng đo ván. Nếu cả hai vận động viên cùng hồi phục trước tiếng đếm thứ 8 thì trọng tài cho trận đấu tiếp tục.

19.3.3.7. Nếu vận động viên bị ngã do đối phương tấn công bằng những đòn phạm luật.



Trọng tài đếm đến tiếng thứ 8 mà vận động viên đó đã hồi phục xin tiếp tục thi đấu thì trọng tài cho trận đấu tiếp tục sau khi đã cảnh cáo vận động viên đánh phạm luật. Nếu trọng tài đếm đến tiếng thứ 10 mà vận động viên đó chưa hồi phục thì truất quyền thi đấu của vận động viên phạm luật. Vận động viên bị đánh phạm luật thắng cuộc nhưng không được thi đấu tiếp vòng trong.

19.4. Nhiệm vụ quyền hạn của Trọng tài giám định

19.4.1. Ngồi đúng vị trí khi được trọng tài phát thanh xướng danh và chỉ định.

19.4.2. Rời vị trí sau khi kết quả trận đấu đã được công bố.

19.4.3. Theo dõi trận đấu và cho điểm vận động viên theo Luật quy định.

19.4.4. Ghi nhận và cho điểm theo các quyết định của trọng tài sân như: cảnh cáo, ngã, ra biên. Nếu không nhất trí với quyết định của trọng tài sân thì khi kết thúc hiệp đấu phải báo cho

Tổng trọng tài và giám sát chuyên môn quyết định.

19.4.5. Phải giải thích các điểm mà mình đã cho khi Tổng trọng tài hoặc giám sát chuyên môn yêu cầu.

19.4.6. Được phép nhắc nhở trọng tài sân khi có vận động viên bị chấn thương mà trọng tài sân không thấy.

19.4.7. Trong thời gian nghỉ giữa hai hiệp đấu có thể trao đổi với Tổng trọng tài về những vấn đề có liên quan đến trận đấu. Nếu cần thiết Tổng trọng tài sẽ mời các trọng tài giám định và trọng tài sân để hội ý và quyết định.

19.4.8. Kết thúc trận đấu phải xác định vận động viên thắng và ký ghi rõ họ tên vào phiếu điểm, chuyển phiếu điểm cho trọng tài sân (nếu không chấm điểm bằng máy).

19.5. Nhiệm vụ quyền hạn của Trọng tài thời gian

19.5.1. Là người theo dõi và điều hành về thời gian theo Luật.



19.5.2. Ra hiệu lệnh báo hiệu bắt đầu hoặc kết thúc hiệp đấu bằng tiếng công.

19.5.3. Trước hiệp đấu tiếp theo, ra ký hiệu thứ tự hiệp đấu bằng đèn báo hiệp đấu.

19.5.4. Khi cả hai vận động viên đều bị choáng, tiến hành đếm số cho vận động viên bị choáng sau.

19.6. Nhiệm vụ quyền hạn của Trọng tài phát thanh

19.6.1. Giới thiệu mục đích, yêu cầu, tính chất nội dung qui mô tiến trình của giải, chương trình thi đấu chung của giải và của từng buổi đấu.

19.6.2. Giới thiệu trận đấu, VĐV thi đấu, Trọng tài sân đấu, giám định.

19.6.3. Thông báo bắt đầu và kết thúc hiệp đấu, trận đấu sau khi đã có hiệu lệnh của Trọng tài thời gian.

19.6.4. Giải thích các vấn đề chuyên môn theo yêu cầu của Ban tổ chức.

19.6.5. Công bố kết quả trận đấu.

19.6. Nhiệm vụ quyền hạn của Trọng tài y tế

19.6.1. Trọng tài Y tế phải là Bác sĩ và nhân viên Y tế do Ban tổ chức điều động, phải có kinh nghiệm về kiểm tra và điều trị chấn thương thể thao, mặc trang phục theo chuyên môn của ngành.

19.6.2. Khi có yêu cầu của Trọng tài sân, Trọng tài Y tế mới được vào sân khám và kiểm tra vận động viên bị chấn thương.

19.6.3. Kết luận của Trọng tài Y tế là căn cứ để tiếp tục hay dừng trận đấu.

19.6.4. Trọng tài Y tế phải chịu trách nhiệm với Ban tổ chức về các vấn đề y tế và sức khỏe của vận động viên trong các trận thi đấu. Nếu phát hiện vận động viên đang ở tình trạng nguy hiểm về sức khỏe trước, trong, sau trận đấu phải báo cáo với Ban tổ chức, Tổng trọng tài để kiểm tra sức khỏe cho vận động viên đó.

19.7. Nhiệm vụ quyền hạn của Trọng tài liên lạc

19.7.1. Chuyển phiếu điếm đến các trọng tài



giám định và nhận phiếu điểm từ trọng tài sân.

19.7.2. Thông báo các ý kiến của Giám sát, Tổng trọng tài đến trọng tài sân, trọng tài giám định khi cần thiết.

19.7.3. Ghi điểm của các Trọng tài giám định khi các hiệp đấu thứ nhất, thứ hai kết thúc và chuyển về cho Tổng trọng tài.

19.7.4. Trong trường hợp chấm điểm bằng máy thì không có Trọng tài liên lạc.

19.8. Nhiệm vụ quyền hạn của Trọng tài kiểm tra

19.8.1. Kiểm tra thẻ của vận động viên.

19.8.2. Kiểm tra và yêu cầu tháo bỏ các vật dụng không đúng quy định, đồ trang sức... có thể gây chấn thương cho đấu thủ.

19.8.3. Kiểm tra găng, giáp, bảo vệ răng, bảo vệ hạ bộ, bảo hộ tay, chân của VĐV chuẩn bị thi đấu.

19.9. Nhiệm vụ quyền hạn của Trọng tài thư ký

19.9.1. Ghi biên bản các cuộc họp.

19.9.2 Phối hợp với Ban tổ chức nhận và kiểm tra hồ sơ đăng ký của các đơn vị tham dự giải.

19.9.3. Chuẩn bị đầy đủ các phiếu điểm, biên bản thi đấu, các loại biểu mẫu.

19.9.4. Tổ chức bốc thăm xếp lịch thi đấu.

19.9.5. Ghi biên bản kết quả của từng trận đấu.

19.9.6. Tổng hợp số đội, VĐV tham dự, kết quả thi đấu.

19.9.7. Kết thúc giải chuyển toàn bộ hồ sơ của giải cho Ban tổ chức.

19.10. Trang phục trọng tài

- Quần âu màu xanh đen.
- Áo sơ mi màu xanh dương, có biểu tượng Liên đoàn Vovinam bên ngực trái.
- Cà vạt màu xanh đen.
- Giày thể thao màu trắng.

19.11. Đăng cấp trọng tài

- Trọng tài quốc tế



- Trọng tài quốc gia

- Trọng tài cấp 1

- Trọng tài cấp 2

19.11.1. Những trọng tài cấp 1 và cấp quốc gia được điều hành các giải trẻ, giải vô địch quốc gia.

19.11.2. Những trọng tài cấp quốc gia, quốc tế được điều hành các giải quốc tế, giải thế giới.



CHƯƠNG V

HUẤN LUYỆN VIÊN - CHỈ ĐẠO VIÊN VÀ VẬN ĐỘNG VIÊN

Điều 20. Lãnh đội, huấn luyện viên

20.1. Là người chịu trách nhiệm về đội mình trong suốt quá trình tham dự giải.

20.2. Được tham gia họp với Ban tổ chức, Ban chuyên môn, chứng kiến việc cân, bốc thăm (hoặc đại diện bốc thăm và ký tên vào biên bản bốc thăm), xếp lịch thi đấu.

20.3. Quyết định việc sắp xếp VĐV của mình tham gia thi đấu.

20.4. Xin bỏ cuộc cho VĐV của mình khi không đủ khả năng tiếp tục thi đấu bằng cách thông báo cho Ban tổ chức.



20.5. Có quyền hỏi hoặc khiếu nại bằng văn bản ghi rõ nội dung, họ tên, chức vụ gửi về Ban tổ chức sau khi sự việc xảy ra không quá 10 phút và nộp lệ phí theo qui định của Điều lệ.

20.6. Có quyền chỉ đạo hoặc sẵn sóc VĐV của mình khi tham gia thi đấu.

20.7. Ban tổ chức có quyền bác bỏ những ý kiến không hợp lý của lãnh đội, HLV đồng thời có quyền cảnh cáo, truất quyền những lãnh đội, HLV cố tình vi phạm luật, điều lệ thi đấu.

Điều 21. Chỉ đạo viên

21.1. Mỗi VĐV có một chỉ đạo viên và một sẵn sóc viên, mặc trang phục thể thao, đi giày đế mềm ngồi đúng vị trí theo quy định của Ban tổ chức.

21.2. Sẵn sóc viên chỉ được sẵn sóc VĐV của mình trước trận đấu và trong thời gian nghỉ giữa hiệp.

21.3. Không được vào sân đấu sẵn sóc VĐV khi chưa có lệnh của trọng tài.

21.4. Chỉ đạo viên chỉ được phép chỉ đạo VĐV của mình trước trận đấu và trong thời gian nghỉ



giữa hiệp. Khi trận đấu đang diễn ra chỉ được phép dùng các ký hiệu để chỉ đạo, không được la hét, xúi giục VĐV.

Nếu chỉ đạo viên và sẵn sóc viên la hét hoặc xúi giục cổ động viên la hét, đá, xô ghế sẽ bị trọng tài nhắc nhở, nếu tiếp tục vi phạm sẽ bị truất quyền chỉ đạo, sẵn sóc.

Điều 22. Vận động viên

22.1. Phải có quá trình tập luyện Vovinam từ 6 tháng trở lên, chuẩn bị chuyên môn tốt, có đẳng cấp Vovinam đúng qui định của Điều lệ, nắm vững Luật thi đấu.

22.2. Có giấy chứng nhận sức khỏe của cơ quan Y tế.

22.3. Có thẻ VĐV, trang phục, bảo hộ đúng qui định.

22.4. Phải tôn trọng VĐV và HLV đội bạn, trọng tài, khán giả. Nghiêm cấm những hành vi trái với tinh thần thể thao, thiếu văn hóa.

22.5. Chấp hành nghiêm các khẩu lệnh và thủ lệnh của trọng tài.



22.6. Không được sử dụng chất kích thích, hoặc uống rượu bia trước và trong thi đấu.

22.7. Không được mang đồ trang sức khi thi đấu.

22.8. Ban tổ chức có quyền cảnh cáo, truất quyền thi đấu đối với VĐV cố tình vi phạm điều lệ.

22.9. Chào Ban tổ chức, trọng tài, đối phương theo lối “Nghiêm lễ” khi vào và ra khỏi sân đấu.

22.10. Được xưng danh mời nhận huy chương mà vắng mặt không có lý do chính đáng sẽ bị Ban tổ chức lập biên bản hủy bỏ kết quả đó.

22.11. Khi thi đấu hoặc nhận huy chương khen thưởng, VĐV chỉ được mang đai vàng trơn, không mang đai cao hơn.

Điều 23. Khẩu lệnh và thủ lệnh của trọng tài sân

23.1. Chuẩn bị trận đấu
(Hình 1).

Trọng tài đứng giữa sân, mặt hướng về bàn ban tổ chức, hai tay dang ngang lòng bàn tay ngửa.



Hình 1



23.2. Ra lệnh hai vận động viên vào sân (Hình 2).

Kéo hai cẳng tay về ngang vai, lòng bàn tay hướng vào nhau, cổ tay thẳng và hô khẩu lệnh “vào sân”.



Hình 2

23.3. Điều khiển hai vận động viên chào Ban tổ chức (Hình 3).

Đưa hai tay thẳng ra trước lòng bàn tay sấp.



Hình 3

23.4. Ra lệnh hai vận động viên quay hướng vào nhau (Hình 4).

Lùi về một bước chân trái trước, chân phải sau. Dựng hai cẳng tay song song trước mặt, lòng bàn tay hướng vào nhau.



Hình 4



23.5. Ra lệnh cho hai vận động viên chào nhau (Hình 5).

Hạ căng tay xuống lòng bàn tay sấp, hai mũi bàn tay giao nhau.



Hình 5

23.6. Báo hiệu trận đấu sắp bắt đầu (Hình 6).

Trọng tài bước chân phải về phía trước gối hơi khụy, giơ thẳng cánh tay phải hướng về bàn Ban tổ chức bàn tay nghiêng khép kín, ngón cái ở phía trên thu vào, tay trái nắm để bên hông.



Hình 6

23.7. Cho trận đấu bắt đầu (Hình 7).

Hô khẩu lệnh “Đấu” đồng thời với giạt tay phải về ngang tầm vai và thu chân phải.



Hình 7

23.8. Ra lệnh ngưng - Đấu - Dứt hiệp (Hình 9a - 9b).

Hô khẩu lệnh “ngưng” đồng thời với đưa tay phải từ trên xuống ngang vai giữa hai VĐV, hai VĐV phải dừng lại hẳn, lùi lại một bước (Hình 8) và đấu tiếp tục khi trọng tài dùng thủ lệnh hai tay phất vào (hai tay giao nhau, bàn tay sấp) hô khẩu lệnh “đấu”.



Hình 8



Hình 9a



Hình 9b

- Khi kết thúc hiệp đấu (Hình 8, 9c).

Hô khẩu lệnh “ngưng” đồng thời với đưa tay phải từ trên xuống ngang vai giữa hai VĐV (hình 8).



Hình 9c

● Kết thúc hiệp 1, 2: Rút chân phải lên hai tay dang ngang, bàn tay ngửa (hình 9c). hô khẩu lệnh “**Dứt Hiệp**”.

● Kết thúc hiệp 3: Rút chân phải lên, hai tay chém chéo 45° xuống, hai bên hông, bàn tay sắp, hô khẩu lệnh “**Dứt Hiệp**”.



Hình 9d

23.9. Khi cần dừng trận đấu (Hình 10).

Trọng tài dùng thủ lệnh ký hiệu chữ T (hai tay giơ cao phía trên đầu, tay trái lòng bàn tay sắp, mũi tay phải hướng thẳng lên tay trái).



Hình 10

23.10. Mời Y tế (Hình 11a, 11b).

Trọng tài dùng thủ lệnh dừng trận đấu (hình 8), sau đó hướng về bàn Y tế, hai tay đưa lên căng tay bắt chéo trước ngực.

Và rút hai tay về, bàn tay nắm, kéo từ dưới lên hông. Khẩu lệnh “Y tế”.



a



b

Hình 11

23.11. Thủ lệnh nhắc nhở

Trọng tài đưa tay trái (bàn tay sấp) chỉ vào vận động viên phạm luật, một tay hoặc hai tay chỉ vào bộ vị nơi mà vận động viên phạm luật (không trừ điểm).

23.11. Các thủ lệnh báo lỗi

Không tận tình thi đấu
(Hình 12).

Trọng tài đưa hai tay từ ngoài vào hai nắm đấm giao nhau.



Hình 12

Đá thấp (Hình 13).

Trọng tài dùng tay trái chỉ VĐV phạm lỗi, tay phải đẩy thẳng xuống dưới lòng bàn tay úp.



Hình 13

Đánh chỏ (Hình 14).

Trọng tài tay trái chỉ VĐV phạm lỗi, tay phải làm ký hiệu đánh chỏ.



Hình 14

Đánh gối (Hình 15a-15b).

Trọng tài tay trái chỉ VĐV phạm lỗi, cơ gối phải, đồng thời tay phải đặt lòng bàn tay lên gối phải.



a



b

Hình 15



Đánh vào gáy (Hình 16).

Trọng tài tay trái chỉ VĐV phạm lỗi, tay phải đặt lên sau gáy.



Hình 16

Quét chân (Hình 17).

Trọng tài tay trái chỉ VĐV phạm lỗi, chân phải làm ký hiệu quét chân.



Hình 17

Bắt chân sai (Hình 18).

Trọng tài tay trái chỉ VĐV phạm lỗi, tay phải làm động tác ôm vòng từ ngoài vào.



Hình 18

Đá chẻ (Hình 19).

Trọng tài tay trái chỉ VĐV phạm lỗi, tay phải làm động tác chẻ từ trên xuống.



Hình 19

Ôm vật (Hình 20).

Trọng tài tay trái chỉ VĐV phạm lỗi, sau đó vòng hai tay trước ngực, hai lòng bàn tay hướng vào trong, thực hiện động tác vắn mình.



Hình 20

Xô đẩy (Hình 21).

Trọng tài tay trái chỉ VĐV phạm lỗi, sau đó xô hai bàn tay đẩy ra trước.



Hình 21



Không tuân thủ lệnh Ngưng (Hình 22).

Trọng tài tay trái chỉ VĐV phạm lỗi, tay phải chỉ vào lỗ tai phải.



Hình 22

23.13. Thủ lệnh cảnh cáo (Hình 23).

Trọng tài tay trái chỉ vào vận động viên phạm luật, tay phải chỉ vào bộ vị cấm đánh hoặc diễn lại động tác phạm luật, sau đó quay về hướng bàn Bàn tổ chức cùng lúc gập khuỷu tay phải gơ nắm đấm thẳng lên trên, tay trái thu về sườn, trừ 2 điểm.



Hình 23

23.14. Thủ lệnh truất quyền thi đấu (Hình 25a -25b).

Trọng tài dùng tay phải (bàn tay sấp) chỉ vào VĐV phạm luật rồi hất chéo về phía sau lên trên.



a



b

Hình 25

23.15. Khẩu lệnh và thủ lệnh khi VĐV bị ngã

Đòn đánh ngã hợp lệ (1 điểm) (Hình 26a).

Tay trái chỉ VĐV ngã, tay phải chém cạnh tay xuống sàn theo hướng chéo 45° , đồng thời với khẩu lệnh “xanh ngã” hoặc “đỏ ngã”.



Hình 26a

Đòn đánh ngã hợp lệ (2 điểm) (Hình 26b).

Tay trái chỉ VĐV ngã, tay phải chém cạnh tay xuống sàn, theo hướng chéo 45° đồng thời kéo tay trái về dựng đứng trước vai trái, lòng bàn tay hướng vào trong, cùng với khẩu lệnh “xanh ngã” hoặc “đỏ ngã”.



Hình 26b

23.16. Thủ lệnh không công nhận các đòn không hợp lệ (hình 27).

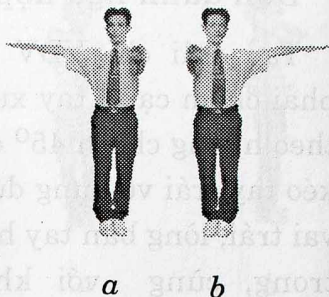
Khi trọng tài không công nhận các đòn đánh của vận động viên dùng thủ lệnh với hai tay bắt chéo chéo cao trên đầu.



Hình 27

23.17. Khẩu lệnh và thủ lệnh khi VĐV bị ra biên (Hình 28a,b).

Tay trái chỉ VĐV ra biên, tay phải chém cạnh tay ra ngang tầm vai theo hướng ra ngoài biên, đồng thời với khẩu lệnh “xanh biên” hoặc “đỏ biên”.



Hình 28

23.18. Khẩu lệnh và thủ lệnh công nhận đòn chân tấn công

- Công nhận đòn chân tấn công (hình 29a,b). Tay trái chỉ VĐV, tay phải thu về trên hông.



Hình 29

Thu tay trái về hông, hai tay đẩy chéo ra trước hai lòng bàn tay hướng ra ngoài, tay phải trên chéo xuống dưới 45° .

- Công nhận điểm đòn chân tấn công: 2 điểm (Hình 30a).

Sau khi đã công nhận đòn chân, tay trái chỉ VĐV thực hiện đòn, tay phải phát chếch lên cao bên vai phải với hai ngón tay (hướng lòng bàn tay ra trước).



Hình 30a

- Công nhận điểm đòn chân tấn công 1 điểm (Hình 30b).

Sau khi đã công nhận đòn chân, tay trái chỉ VĐV thực hiện đòn, tay phải phát chếch lên cao bên vai phải với một ngón tay (hướng lòng bàn tay ra trước).



Hình 30b

23.19. Tuyên bố kết quả

Trọng tài hai tay nắm tay hai VĐV, sau khi trọng tài phát thanh tuyên bố vận động viên thắng cuộc giơ thẳng tay vận động viên thắng cuộc lên, rồi điều khiển cho hai vận động viên chào Ban tổ chức trước rồi chào nhau sau và bắt tay nhau trước khi rời sàn đấu.

PHẦN II

LUẬT THI QUYỀN

CHƯƠNG VI

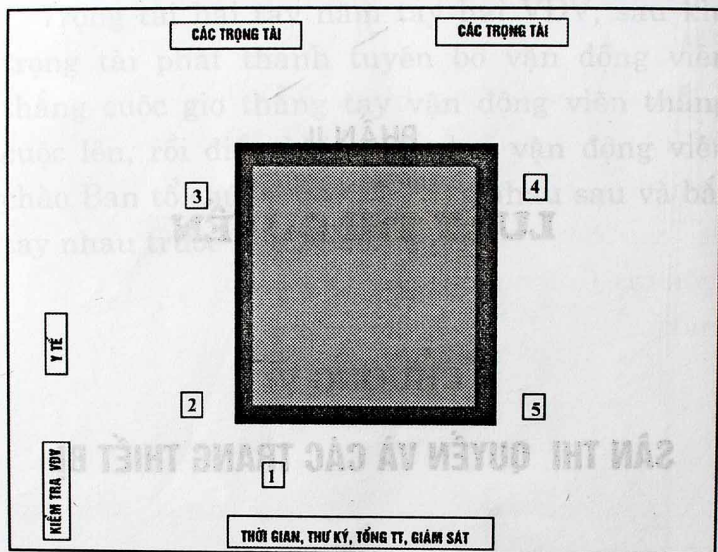
SÂN THI QUYỀN VÀ CÁC TRANG THIẾT BỊ

Điều 24. Sân thi quyền

Sân thi quyền cho các nội dung đơn luyện, song luyện, đa luyện, đòn chân tấn công và tự vệ nữ như sân thi đấu đối kháng đã đề cập ở trên bao gồm cả khu vực an toàn (10m x 10 m).



SƠ ĐỒ BỐ TRÍ SÂN THI QUYỀN



Điều 25. Trang thiết bị sân thi đấu

25.1. Bàn ghế để Ban tổ chức, giám sát, trọng tài, ban kỹ thuật, tổ y tế làm nhiệm vụ.

25.2. Công 1 chiếc.

25.3. Chuông điện 1 chiếc.

25.4. Đồng hồ bấm giờ 2 chiếc.

25.5. Bảng điểm 5 chiếc.

25.6. Khăn lau sàn thi đấu và thảm chùi chân.

25.7. Hệ thống ánh sáng và phát thanh.

25.8. Hệ thống chấm điểm điện tử (nếu có).

25.9. Bảng hiệu ghi tên các chức danh Ban tổ chức, Ban giám sát, Tổng trọng tài, Ban trọng tài, Ban thư ký, Tổ Y tế, Trọng tài giám định 1 - 5.

25.10. Các trang thiết bị khác.

Điều 26. Trang phục của vận động viên

26.1. Võ phục màu xanh dương có biểu tượng Môn phái Vovinam Việt võ đạo bên ngực trái, biểu tượng Liên đoàn Vovinam Việt Nam, tên vận động viên bên ngực phải, sau lưng tên đơn vị (thi đấu cấp quốc gia tên tỉnh, thành, ngành; thi đấu quốc tế tên quốc gia).

26.2. Binh khí tùy theo nội dung thi phải đúng tiêu chuẩn và quy định của Vovinam.





CHƯƠNG VII

NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP CHẤM ĐIỂM

Điều 27. Nội dung thi

27.1. Đơn luyện:

27.1.1. Đơn luyện tay không nam, nữ.

27.1.2. Đơn luyện vũ khí nam, nữ.

27.2. Song luyện:

27.2.1. Song luyện tay không nam, nữ.

27.2.2. Song luyện vũ khí nam, nữ.

27.3. Đa luyện:

27.3.1 Đa luyện tay không nam (1 vận động viên nam tự vệ trước 3 vận động viên nam).

27.3.2 Đa luyện vũ khí nam (1 vận động viên nam tự vệ trước 3 vận động viên nam).

27.3.3. Đa luyện tay không nữ (1 vận động viên nữ tự vệ trước 3 vận động viên nam).

27.3.4. Đa luyện vũ khí nữ (1 vận động viên nữ tự vệ trước 3 vận động viên nam).

27.4. Đòn chân tấn công nam (4 vận động viên nam mỗi vận động viên thực hiện 4 đòn chân).

27.5. Tự vệ nữ giới (1 VĐV nữ tự vệ trước 1 VĐV nam).

Điều 28. Phương pháp chấm điểm

Tổng số điểm của từng bài thi là 100 điểm, chia ra các tiêu chuẩn, nội dung để chấm điểm và trừ điểm. Cụ thể theo từng nội dung như:

1. Đòn chân tấn công

- 4 vận động viên thi biểu diễn 16 đòn chân tấn công (mỗi vận động viên thi biểu diễn 4 đòn chân).

- Có hai nội dung chấm điểm đòn chân tấn công : (Tối đa 100 điểm)

1.1. Điểm kỹ thuật (80 điểm)

Mỗi đòn chân tấn công được chấm theo 3 loại điểm:



Loại 5 điểm - loại 3 điểm - Loại 2 điểm.

1.1.1. Loại 5 điểm:

- Thực hiện tốt kỹ thuật chạy đà không quá 3 bước chân. Không mượn đà của VĐV chịu đòn.
- Đầu phải cao hơn khi chân chạm vào người chịu đòn.
- Vận động viên chịu đòn đứng đúng tư thế.
- Vận động viên tấn công, đòn rõ ràng, xiết khóa, ngã an toàn.

1.1.2. Loại 3 điểm:

- Thực hiện chạy đà quá 3 bước chân (4 bước) để tấn công.
- Đầu bị thấp hơn khi chân chạm vào người chịu đòn.
- Xiết khóa không rõ ràng.
- Ngã không an toàn.

1.1.3. Loại 2 điểm:

- Thực hiện chạy đà quá 4 bước chân để tấn công đối phương.

- Vận động viên chịu đòn đứng không đúng tư thế.

- Vận động viên tấn công, kẹp cổ đối phương khi ngã xuống bị tuột ra.

- Vận động viên tấn công và vận động viên chịu đòn cầm đầu xuống thảm, không an toàn.

1.2. Điểm nghệ thuật (20 điểm)

Thực hiện bài thi nhanh, gọn, chính xác, thân pháp, bộ pháp rõ ràng, đòn thế hấp dẫn, kết cấu bài thi đẹp mắt hợp lý có tính thuyết phục.

Nếu không bị trừ 2 điểm.

Đơn luyện:

Có hai nội dung chấm điểm: Kỹ thuật và Nghệ thuật.

2.1. Điểm kỹ thuật: (90 điểm)

2.1.1 Thực hiện đầy đủ, thuộc bài thi, động tác chính xác, đúng hướng, về đúng vị trí qui định.

(50 điểm)

- Thực hiện sai động tác rõ ràng trừ 2 điểm/lần.

- Kết thúc bài thi, về không đúng vị trí khởi đầu trừ 2 điểm.



- Thực hiện bài thi ngập ngừng, nhưng nhanh chóng sửa chữa trừ 2 điểm/lần.

- Bỏ 1 động tác, trừ 5 điểm/lần. 10 2 8

- Khi thực hiện bài thi để rơi vũ khí sẽ bị loại.

2.1.2. Thực hiện động tác quyền cước nhanh, mạnh, bền. (20 điểm)

- Thực hiện động tác quyền cước chậm trừ 2 điểm.

- Động tác thiếu uy lực, thiếu mạnh mẽ trừ 2 điểm.

- Kết thúc bài thi biểu lộ mệt mỏi bị trừ 2 điểm.

2.1.3. Tấn pháp, bộ pháp vững chắc, đúng kỹ thuật. (10 điểm)

- Thực hiện tấn, bộ pháp không đúng trừ 1 điểm/lần.

- Để mất thăng bằng khi chuyển tấn, chuyển hướng trừ 2 điểm/lần.

2.1.4. Động tác uyển chuyển, nhịp nhàng, chuyển hướng tốt. (10 điểm)

Thực hiện cả bài thi thiếu uyển chuyển, nhịp nhàng trừ 5 điểm.

2.2. Nghệ thuật

(10 điểm)

Kết thúc bài thi ấn tượng, thuyết phục, nếu không đạt bị trừ 2 điểm.

3. Song luyện

Có 2 nội dung chấm điểm : Kỹ thuật và Nghệ thuật

3.1. Điểm kỹ thuật:

3.1.1. Thực hiện đầy đủ, thuộc bài thi, động tác chính xác, làm chủ vị trí khi thi. (50 điểm)

- Thực hiện sai động tác rõ ràng trừ 2 điểm/lần.
- Thực hiện bài thi ngập ngừng, nhưng nhanh chóng sửa chữa trừ 2 điểm/lần.
- Bỏ hẳn 1 động tác trừ 5 điểm/lần.
- Vận động viên cầm vũ khí tấn công bị tuột mà nắm bắt lại được bị trừ 1 điểm/lần.
- Khi thực hiện bài thi để vũ khí chạm vào thân thể, nhẹ bị trừ 2 điểm, nặng bị trừ 5 điểm/lần.
- Khi thực hiện bài thi để rơi vũ khí sẽ bị loại.

3.1.2. Các động tác xiết khóa, ngã, phản đòn rõ ràng. (10 điểm)



- Thực hiện các động tác xiết khóa, phản đòn không rõ ràng trong bài thi trừ 2 điểm/lần.

- Các động tác ngã không an toàn, đầu chạm xuống đất trừ 2 điểm/lần.

3.1.3. Làm chủ vị trí, gấn bó nhịp nhàng, nhanh chậm hợp lý. (10 điểm)

- Thực hiện các động tác ra khỏi vạch giới hạn trên thảm trừ 2 điểm/lần.

- Vận động viên thực hiện bài thi thiếu nhịp nhàng, nhanh chậm không hợp lý trừ 2 điểm.

3.1.4. Thực hiện các động tác nhanh, mạnh, bền, phong độ. (20 điểm)

- Vận động viên thực hiện động tác quyền cước chậm bị trừ 2 điểm.

- Vận động viên thực hiện động tác quyền cước thiếu uy lực, yếu trừ 2 điểm.

- Kết thúc bài thi, vận động viên biểu lộ thiếu thể lực, mệt mỏi bị trừ 2 điểm.

3.2. Nghệ thuật. (10 điểm)

- Kết thúc bài thi ấn tượng, thuyết phục.

- Nếu không đạt, mỗi nội dung trừ 2 điểm.

4. Đa luyện (thời gian thực hiện bài thi tối thiểu 2 phút, tối đa 3 phút)

Có hai nội dung chấm điểm: Kỹ thuật và Nghệ thuật.

4.1. Điểm kỹ thuật:

4.1.1. Cấu trúc bài thi hợp lý, có sử dụng tối thiểu 5 đòn thế căn bản của Vovinam, các động tác tấn công phải nhanh, né tránh giỏi, chính xác, liên tục, ngã an toàn, làm chủ vị trí.

(50 điểm)

- Thực hiện tối thiểu 5 đòn thế cơ bản của Vovinam, thiếu 1 đòn bị trừ 5 điểm.

- Thực hiện cấu trúc bài thi không hợp lý, tấn công, phản đòn không rõ ràng bị trừ 2 điểm.

- Thực hiện bài thi không liên tục, tấn công không dồn dập bị trừ 2 điểm/lần.

- Thực hiện bài thi ngập ngừng trừ 2 điểm /lần.

- Vận động viên chấn thương bị trừ 10 điểm.

4.1.2. Nhanh, mạnh, bền. (20 điểm)

Quyền, cước của vận động viên tấn công, vận động viên phản đòn phải thể hiện nhanh, mạnh,



có lực, dứt khoát, sự phối hợp toàn thân tốt. Kết thúc bài thi thể lực phong độ, nếu không đạt mỗi nội dung bị trừ 2 điểm.

4.1.3. Xiết khóa, phản đòn dứt khoát rõ ràng, ngã an toàn. (10 điểm)

Các động tác xiết khóa trong tấn công rõ ràng, phản đòn rút khoát, nếu không đạt trừ 2 điểm.

4.1.4. Làm chủ vị trí, gấn bó nhịp nhàng. (10 điểm)

Vận động viên tấn công, vận động viên tự vệ phải làm chủ vị trí, động tác phối hợp nhịp nhàng, hợp lý, nếu không bị trừ 2 điểm/lần.

4.2. Nghệ thuật. (10 điểm)

Bài thi kết thúc không gây ấn tượng, thiếu khí thế bị trừ 2 điểm.

Kết thúc bài thi trước hoặc sau thời gian qui định bị trừ 2 điểm.

5. Tự vệ nữ giới (thời gian thực hiện bài thi tối thiểu 2 phút, tối đa 3 phút).

Có hai nội dung chấm điểm: Kỹ thuật và Nghệ thuật.



5.1. Điểm kỹ thuật

5.1.1. Thực hiện xuyên suốt bài thi, động tác chính xác, làm chủ vị trí khi thi. (50 điểm)

- Thực hiện tối thiểu 5 đòn thế cơ bản của Vovinam, thiếu 1 đòn bị trừ 5 điểm.

- Thực hiện động tác không rõ ràng, thiếu chính xác trừ 2 điểm/lần.

- Thực hiện bài thi ngập ngừng, nhanh chóng sửa chữa trừ 2 điểm/lần.

- Giẽu cột, hài, lối lăng kéo dài bị trừ 2 điểm.

5.1.2. Thực hiện động tác quyền cước nhanh, mạnh, bền. (20 điểm)

- Thực hiện các động tác quyền cước không có lực, thiếu dứt khoát bị trừ 2 điểm.

- Thực hiện các động tác quyền cước, tránh né chậm trong phản đòn bị trừ 2 điểm.

- Kết thúc bài thi, thể lực biểu lộ mệt mỏi, không vững vàng bị trừ 2 điểm.

5.1.3. Xiết khóa, phản đòn, ngã an toàn.

(10 điểm)



- Thực hiện các động tác xiết khóa, phản đòn, không tốt, ngã không rõ ràng bị trừ 2 điểm.

5.1.4. *Làm chủ vị trí, gắn bó nhịp nhàng, nhanh chậm hợp lý.* (10 điểm)

Vận động viên thực hiện tấn công không nhanh, nhịp nhàng bị trừ 2 điểm.

5.2. Nghệ thuật: (10 điểm)

- Kết thúc bài thi không gây ấn tượng, thiếu khí thế bị trừ 2 điểm.

- Kết thúc bài thi trước hoặc sau thời gian qui định bị trừ 2 điểm.



PHIẾU ĐIỂM THI ĐẤU ĐỐI KHÁNG

TÊN GIẢI

.....

Ngày tháng năm

Hạng cán:		Giới tính:		Trận số:		
VĐV ĐỎ			VĐV XANH			
TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM TRỪ	ĐIỂM THI ĐẤU	HIỆP	ĐIỂM THI ĐẤU	ĐIỂM TRỪ	TỔNG ĐIỂM
			1			
			2			
			3			
		TỔNG ĐIỂM TOÀN TRẬN				

VĐV XANH

VĐV ĐỎ

VĐV thắng cuộc:

Hình thức thắng: Điểm, Ưu thế, Bỏ cuộc, Dừng trận, Tuyệt đối, Do ván, Truất quyền

Trong tài Giám định số:

Ký (ghi rõ họ tên):



Quyển cước: Nhanh, mạnh, bền	Điểm chuẩn	Điểm trừ thực tế	Tổng điểm
Quyển cước chậm - 2 điểm	20 điểm		
Động tác thiếu uy lực, mạnh mẽ - 2 điểm			
Biểu lộ mệt mỏi - 2 điểm			
Tấn bộ pháp: Vững chắc, đúng kỹ thuật		Điểm chuẩn	Điểm trừ thực tế
Tấn bộ pháp không đúng kỹ thuật - 1 điểm/lần	10 điểm		
Chuyển tấn, hướng mắt thẳng bằng - 2 điểm/lần			

TÊN GIẢI

PHIẾU ĐIỂM ĐƠN LUYỆN

SỐ

Ngày ... tháng ... năm

Nội dung	Điểm chuẩn	Điểm trừ thực tế	Tổng điểm
ĐIỂM KỸ THUẬT: Đầy đủ, thuộc bài, động tác chính xác đúng hướng, đúng quy định			
Thực hiện sai động tác - 2 điểm/lần	50 điểm		
Kết thúc bài thi về không đúng vị trí - 2 điểm			
Thực hiện bài thi ngập ngừng - 2 điểm/lần			
Bỏ 1 động tác - 5 điểm/lần			



Quyển cước: Nhanh, mạnh, bền	Điểm chuẩn	Điểm trừ thực tế	Tổng điểm
Quyển cước chậm - 2 điểm	20 điểm		
Động tác thiếu uy lực, mạnh mẽ - 2 điểm			
Biểu lộ mệt mỏi - 2 điểm			
Tán bộ pháp: Vững chắc, đúng kỹ thuật		Điểm chuẩn	Điểm trừ thực tế
Tán bộ pháp không đúng kỹ thuật - 1 điểm/lần	10 điểm		
Chuyển tấn, hướng mắt thẳng bằng - 2 điểm/lần			



Động tác: Uyển chuyển, nhịp nhàng	Điểm chuẩn	Điểm trừ thực tế	Tổng điểm
Thiếu uyển chuyển - nhịp nhàng - 5 điểm	10 điểm		
NGHỆ THUẬT: Ấn tượng, thuyết phục	Điểm chuẩn	Điểm trừ thực tế	Tổng điểm
Thiếu ấn tượng, thuyết phục - 2 điểm	10 điểm		
TỔNG CỘNG ĐIỂM THI			

Trọng tài Giám định số :

Ký (ghi rõ họ tên) :

PHIẾU ĐIỂM SONG LUYỆN SỐ

TÊN GIẢI

Ngày tháng năm

Nội dung	Điểm chuẩn	Điểm trừ thực tế	Tổng điểm
ĐIỂM KỸ THUẬT : Đầy đủ, thuộc bài, động tác chính xác, làm chủ vị trí			
Thực hiện sai động tác - 2 điểm/lần			
Thực hiện bài thi ngắt ngừng - 2 điểm/lần			
Bỏ 1 động tác - 5 điểm/lần			
Bị tuột vũ khí mà nắm bắt lại được - 1 điểm/lần			
Vũ khí chạm người nhẹ - 2, nặng - 5 điểm/lần			
Rơi vũ khí khi thực hiện kỹ thuật loại			
	50 điểm		



<p>Xiết khóa, ngã, phân đòn rõ ràng</p>			<p>Tổng điểm</p>
<p>Xiết khóa, phân đòn không rõ ràng - 2 điểm/lần</p>	<p>10 điểm</p>		
<p>Ngã không an toàn - 2 điểm/lần</p>			
<p>Làm chủ vị trí, gán bó nhip nhàng</p>			<p>Tổng điểm</p>
<p>Thực hiện các động tác ra khỏi vạch giới hạn - 2 điểm/lần</p>	<p>10 điểm</p>		
<p>Thiếu nhip nhàng, nhanh chậm không hợp lý - 2 điểm</p>			

Thực hiện động tác nhanh, mạnh bên phong độ	Điểm chuẩn	Điểm trừ thực tế	Tổng điểm
Thực hiện các động tác, quyền cước chậm - 2 điểm	20 điểm		
Thực hiện các động tác, quyền cước thiếu uy lực - 2 điểm			
Kết thúc bài thi biểu lộ mệt mỏi - 2 điểm			
NGHỆ THUẬT: Ấn tượng, thuyết phục	Điểm chuẩn	Điểm trừ thực tế	Tổng điểm
Thiếu ấn tượng, thuyết phục - 2 điểm	10 điểm		-
TỔNG CỘNG ĐIỂM THI			

Trọng tài Giám định số :

Ký (ghi rõ họ tên) :

TÊN GIẢI

PHIẾU ĐIỂM ĐA LUYỆN

SỐ.....

Ngày ... tháng ... năm

Nội dung	Điểm chuẩn	Điểm trừ thực tế	Tổng điểm
ĐIỂM KỸ THUẬT : Cấu trúc bài hợp lý, sử dụng tối thiểu 5 đơn thể của Vovinam, các động tác tấn công nhanh, tránh né giỏi, chính xác, liên tục, ngả an toàn, làm chủ vị trí			
Cấu trúc bài thi không hợp lý, tấn công, phản đòn không rõ ràng - 2 điểm	50 điểm		
Thực hiện bài thi không liên tục, tấn công không dồn dập - 2 điểm			
Thực hiện bài thi ngập ngừng, quá thời gian quy định - 2 điểm/lần			
Bị chấn thương - 10 điểm			
Thiếu lòn thể cơ bản - 5 điểm			



Quyền, cước - nhanh, mạnh	Điểm chuẩn	Điểm trừ thực tế	Tổng điểm
Phản đòn chậm, yếu - 2 điểm/lần	20 điểm		
Phối hợp không tốt - 2 điểm			
Thể lực phong độ không tốt - 2 điểm			
Động tác xiết khóa, phản đòn rõ ràng	Điểm chuẩn	Điểm trừ thực tế	Tổng điểm
Xiết khóa, phản đòn không rõ ràng - 2 điểm	10 điểm		
Ngã không an toàn - 2 điểm/lần			
Làm chủ vị trí, gấn bó nhíp nhàng	Điểm chuẩn	Điểm trừ thực tế	Tổng điểm
Thực hiện động tác ra khỏi vạch giới hạn - 2 điểm	10 điểm		
Không làm chủ vị trí, động tác phối hợp không nhịp nhàng, nhanh chậm không hợp lý - 2 điểm			



NGHIỆ THUẬT: Ấn tượng, thuyết phục	Điểm chuẩn	Điểm trừ thực tế	Tổng điểm
Kết thúc bài thi không ấn tượng, thiếu khí thế - 2 điểm	10 điểm		
Kết thúc bài thi không đúng thời gian quy định - 2 điểm			
TỔNG CỘNG ĐIỂM THI			



Trọng tài Giám định số :

Ký (ghi rõ họ tên) :

.....

Ngày ... tháng ... năm

Nội dung	Điểm chuẩn	Điểm trừ thực tế	Tổng điểm
ĐIỂM KỸ THUẬT : Cấu trúc bài hợp lý, sử dụng tối thiểu 5 đòn thế của Vovinam, các động tác tấn công nhanh, tránh né giỏi, chính xác, liên tục, ngã an toàn, làm chủ vị trí			
Cấu trúc bài thi không hợp lý, tấn công, phản đòn không rõ ràng - 2 điểm	50 điểm		
Thực hiện bài thi không liên tục, tấn công không đòn đập - 2 điểm/lần			
Thực hiện bài thi ngập ngừng, quá thời gian quy định - 2 điểm/lần			
Giểu cơt, không nghiêm túc vượt quá thời gian quy định - 2 điểm			
Thiếu 1 đòn thế cơ bản - 5 điểm			



Quyển, cước - nhanh, mạnh	Điểm chuẩn	Điểm trừ thực tế	Tổng điểm
Quyển cước không có lực, thiếu dứt khoát - 2 điểm	20 điểm		
Phối hợp không tốt, tránh né chậm - 2 điểm			
Thể lực phong độ không tốt - 2 điểm			
Động tác xiết khóa, phân đòn rõ ràng, ngã an toàn	Điểm chuẩn	Điểm trừ thực tế	Tổng điểm
Xiết khóa, phân đòn không rõ ràng - 2 điểm	10 điểm		
Ngã không an toàn - 2 điểm/lần			
Làm chủ vị trí, gấn bó nhíp nhàng	Điểm chuẩn	Điểm trừ thực tế	Tổng điểm
Thực hiện động tác ra khỏi vạch giới hạn - 2 điểm/lần	10 điểm		
Không làm chủ vị trí, động tác phối hợp không nhíp nhàng, nhanh chậm không hợp lý - 2 điểm			

NGHỆ THUẬT: Ấn tượng, thuyết phục	Điểm chuẩn	Điểm trừ thực tế	Tổng điểm
Kết thúc bài thi không ấn tượng, thiếu khí thế - 2 điểm	10 điểm		
Kết thúc bài thi không đúng thời gian quy định - 2 điểm			
TỔNG CỘNG ĐIỂM THI			

Trọng tài Giám định số :

Ký (ghi rõ họ tên):

TÊN GIẢI

PHIẾU ĐIỂM ĐÒN CHÂN TẤN CÔNG

SỐ...

.....

Ngày ... tháng ... năm

1 - KỸ THUẬT (80 ĐIỂM)	Mỗi VĐV thực hiện 4 đòn chân tấn công x 4 VĐV												TỔNG ĐIỂM			
LOẠI 5 ĐIỂM																
LOẠI 3 ĐIỂM																
LOẠI 2 ĐIỂM																
2 - NGHỆ THUẬT (ĐIỂM CHUẨN 20 ĐIỂM)																
TỔNG ĐIỂM THI																

Trọng tài Giám định số :

Ký (ghi rõ họ tên):



PHIẾU TỔNG HỢP ĐIỂM THI QUYỀN SỐ.....

TÊN GIẢI

Ngày tháng năm

Nội dung thi :

Họ tên VĐV :

Đơn vị :

STT	ĐIỂM THI	HỌ TÊN TRONG TÀI GIÁM ĐỊNH
Trọng tài Giám định 1		
Trọng tài Giám định 2		
Trọng tài Giám định 3		
Trọng tài Giám định 4		
Trọng tài Giám định 5		

Tổng cộng :

TỔNG TRỌNG TÀI

BAN THỦ KÝ



MỤC LỤC

• Quyết định số 673/QĐ-TCTDTT ngày 2 tháng 6 năm 2009 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục thể thao về việc ban hành Luật thi đấu Vovinam	3
---	---

PHẦN I. THI ĐẤU ĐỐI KHÁNG 5

CHƯƠNG I. SÂN ĐẤU - TRANG THIẾT BỊ THI ĐẤU 5
--

Điều 1. Sân đấu 5

Điều 2. Trang thiết bị sân đấu 7

Điều 3. Trang phục của vận động viên 8
--

CHƯƠNG II. CÁC ĐIỀU LIỆU LUẬT CHUNG 9

Điều 4. Lứa tuổi và hạng cân 9

Điều 5. Kiểm tra cân nặng và thể thức cân 13
--

Điều 6. Bốc thăm và xếp lịch thi đấu 14



Điều 7. Tính chất và thể thức thi đấu	15
CHƯƠNG III. LUẬT THI ĐẤU	16
Điều 8. Nguyên tắc thi đấu	16
Điều 9. Hiệp đấu, thời gian thi đấu	17
Điều 10. Vùng tính điểm	17
Điều 11. Cách tính điểm	18
Điều 12. Hình thức xác định ngã, choáng và cách xử lý	23
Điều 13. Hình thức quyết định kết quả trận đấu	23
Điều 14. Những điều cấm và các lỗi vi phạm	26
Điều 15. Xử phạt	28
CHƯƠNG IV. BAN TỔ CHỨC, GIÁM SÁT, TRỌNG TÀI	30
Điều 16. Ban tổ chức	30
Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban tổ chức	30
Điều 18. Ban giám sát	32
Điều 19. Ban trọng tài	32



**CHƯƠNG V. HUẤN LUYỆN VIÊN,
CHỈ ĐẠO VIÊN VÀ VẬN
ĐỘNG VIÊN** 45

Điều 20. Lãnh đội, huấn luyện viên 45

Điều 21. Chỉ đạo viên 46

Điều 22. Vận động viên 47

Điều 23. Khẩu lệnh và thủ lệnh của
Trọng tài sân 48

PHẦN II. LUẬT THI QUYỀN 63

**CHƯƠNG VI. SÂN THI QUYỀN VÀ CÁC
THIỆT BỊ** 63

Điều 24. Sân thi quyền 63

Điều 25. Trang thiết bị sân thi đấu 64

Điều 26. Trang phục của vận động viên 65

**CHƯƠNG VII. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG
PHÁP CHẤM ĐIỂM** 66

Điều 27. Nội dung thi 66

Điều 28. Phương pháp chấm điểm 67



LUẬT THI ĐẤU VOVINAM

* *

*

NHÀ XUẤT BẢN THỂ DỤC THỂ THAO

Số 7 - Trịnh Hoài Đức - Hà Nội

ĐT: 04.38456155 - 04.38437013

Chi nhánh: 48 Nguyễn Đình Chiểu - Quận I

TP.Hồ Chí Minh - ĐT: 08.38298378

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN NGỌC KIM ANH

Biên tập : TIẾN DŨNG

Trình bày : THU TOÀN

Trình bày bìa : XUÂN DŨNG

Số đăng ký KHXB: 03 - 2013/CXB/17 - 373/TDTT

In 750 cuốn, khổ 13 x 19cm.

In tại Công ty Cổ phần In Thiên Kim

In xong và nộp lưu chiểu tháng 6 năm 2013.



NHÀ XUẤT BẢN THỂ DỤC THỂ THAO

Số 7 Trịnh Hoài Đức - Hà Nội

ĐT: 04.38437013 - 04.38456155

Email: nxbtdtt@vnn.vn

Chi nhánh: 48 Nguyễn Đình Chiểu

Quận I. Tp. Hồ Chí Minh

ĐT: 08.38298378

TỔNG CỤC THỂ DỤC THỂ THAO

LUẬT THI ĐẤU VOVINAM



NHÀ XUẤT BẢN THỂ DỤC THỂ THAO



SÁCH ĐẶT HÀNG